TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HS-ST
Ngày: 16 - 11 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh Phong;

Ông Lý Ngọc Trai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Hồ Long Hồ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1978, tại huyện P, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1946 và bà Cao Thị B, sinh năm 1950 (chết); Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ 4; Vợ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971 (chết), hiện đang sống chung như vợ chồng với Trần Thị P1, sinh năm 1977; Con: Nguyễn Thị T, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị T1, sinh năm 1999; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2004 bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 01 năm tù giam về tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ

sung năm 2009, đã chấp hành xong bản án; Tạm giữ: Từ ngày 12/8/2020 đến ngày 20/8/2020; tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị P1, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người chứng kiến:

1. Ông Đặng Văn C, sinh năm 1953;

Nơi cư trú: khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 10 phút, ngày 12 tháng 8 năm 2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy Công an thị xã Hồng Ngự (Nay là thành phố Hồng Ngự) phối hợp với Công an phường An Lạc, thị xã Hồng Ngự (Nay là thành phố Hồng Ngự) tuần tra đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn phường. Khi đến khu vực nhà trọ Trường Giang thuộc khóm Sở Thượng, phường An Lạc, thị xã Hồng Ngự (Nay là thành phố Hồng Ngự) phát hiện bị cáo Nguyễn Văn L đang điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 66H1-128.33 đi vào nhà trọ có dấu hiệu nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Khi lực lượng Công an kiểm tra, bị cáo Nguyễn Văn L ném bỏ 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu Hero xuống nền gạch dưới đất, bên trong có 01 (một) bịch nylon chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng (nghi là là ma túy tổng hợp chưa xác định trọng lượng) nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 (một) bịch nylon màu trắng được hàn kín bên trong có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng (nghi là ma túy tổng hợp, chưa xác định trọng lượng); 01 (một) vỏ bao thuốc lá hiệu Hero; 01 (một) ống thủy tinh tự chế màu trắng (nỏ) bị vỡ; 01 (một) nắp nhựa màu đỏ có khoan hai lỗ; 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu

trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng Gold, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô hiệu Exciter màu xanh mang biển số 66H1-128.33; 01 (một) ví da màu nâu; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 341675738, mang tên Nguyễn Văn L; Tiền Việt Nam: 300.000 đồng. Sau đó Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nhà của bị cáo Nguyễn Văn L thu giữ được 01 (một) bộ dụng cụ dùng sử dụng ma túy.

Tại Kết luận giám định số: 752/KL-KTHS ngày 16/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, có kết luận: "*Tinh thể rắn chứa trong 01 bịch nylon màu trắng hàn kín để trong vỏ bao thuốc là nhãn hiệu HERO, được niêm phong trong hộp giấy nêu trên gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 0,260 gam, loại Methamphetamine (số thứ tự 323 thuộc Danh mục II, Nghị định số 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ)*."

Tại Kết luận giám định số 756/KL-KTHS ngày 17/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, có kết luận: "*Dấu vết đường vân trên mẫu vật cần giám định ký hiệu A1 với dấu vân tay in trên ô ngón giữa trái chỉ bản mẫu so sánh ghi họ tên Nguyễn Văn L, sinh năm 1978, nơi cư trú: khóm 3, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp ký hiệu M do cùng một người in ra*."

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn L thừa nhận ma túy bị bắt quả tang nêu trên là của mình mua của một người thanh niên tên Bé C (không biết rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang với giá 300.000 đồng, mục đích để sử dụng vì bị cáo là người đang sử dụng ma túy. Khi đi mua ma túy bị cáo Nguyễn Văn L điều khiển xe môtô biển kiểm soát 66H1-128.33, do L đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký xe, tuy nhiên bị cáo khai xe môtô này là của chị Trần Thị P1 (đang sống như vợ chồng với L), bị cáo chỉ mượn xe của chị P1 và dùng 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng Gold để liên lạc mua ma túy. Bị cáo trình bày tất cả các dụng cụ sử dụng ma túy là của bị cáo, còn những tài sản còn lại không liên quan đến hành vi tàng trữ ma túy.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra xử lý vật chứng là đã trả cho bị cáo Nguyễn Văn L: 01 (một) ví da màu nâu; 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO màu đen, đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam tổng số: 300.000 đồng. Các vật chứng còn lại của vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra nhập kho vật chứng theo quy định nhằm phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P1 trình bày: Bà và bị cáo hiện đang sống chung như vợ chồng với nhau được khoảng 7 đến 8 năm nay, không có đăng ký kết hôn. Chiếc xe mô tô hiệu Exciter, biển số 66H1-128.33 tuy là bị cáo đứng tên chủ sở hữu nhưng người quản lý, sử dụng là bà. Đây là tài sản của bà mua trả góp hàng tháng cho cửa hàng, nay đã góp xong. Do trước đây bà bị mất giấy chứng minh nhân dân và chưa nhập hộ khẩu chung vào hộ của bị cáo nên bà mới để cho bị cáo đứng tên. Chiếc xe này là tài sản bà mua nhằm mục đích sử dụng chung trong gia đình, khi bị cáo lấy chạy đi mua và tàng trữ ma túy thì bà không biết, nên nay bà xin nhận lại chiếc xe môtô này. Việc bị cáo tàng trữ và sử dụng ma túy thì bà không biết.

Tại bản cáo trạng số: 52/CT-VKS-HS ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Nay là thành phố Hồng Ngự) truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về vật chứng vụ án đề nghị Toà án tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì màu trắng đã được niêm phong số 778, ngày 13/8/2020 trên phong bì có chữ ký, ghi họ tên Nguyễn Phong D, Nguyễn Văn Bé N, Lê Minh V, Nguyễn Văn L và đóng dấu đỏ tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp; 01 (một) phong bì được niêm phong có chữ ký, ghi họ tên Lê Phước T1, Tạ Hoài T2 và đóng dấu đỏ tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp; 01 (một) bộ dụng cụ dùng sử dụng ma túy; 01 (một) ống thủy tinh tự chế màu trắng (nỏ) bị vỡ; 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng Gold, đã qua sử dụng;

- Trả cho bị can Nguyễn Văn L: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 341675738, mang tên Nguyễn Văn L;

- Trả cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị P1: 01 (một) xe mô tô hiệu Exciter màu xanh biển số 66H1-128.33.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự thực hành quyền công tố và kiểm sát việc xét xử đã phát biểu lời luận tội là giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiển sát và Kết luận của Cơ quan Điều tra và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Đối với chiếc xe mô tô, bị cáo thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị P1, xin Hội đồng xét xử giải quyết trả lại xe cho bà P1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất hoàn toàn với nội dung Kết luận điều tra, nội dung bản Cáo trạng, và lời luận tội của Viện kiểm sát. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người chứng kiến. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được đầy đủ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có ma túy để sử dụng mà bị cáo mua về để cất giấu, tàng trữ trái phép. Căn cứ kết luận giám định, bản kết luận điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của bị cáo, đã có đủ chứng cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

c/ Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

....".

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn L là nguy hiểm cho xã hội, đã được Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm, đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh địa phương. Hiện nay, tình trạng tàng trữ để sử dụng hay dùng vào các mục đích khác trái phép chất ma túy trên cả nước nói chung, trên địa bàn thành phố Hồng Ngự nói riêng diễn biến theo chuyền hướng ngày càng phức tạp. Hậu quả của việc tàng trữ để sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho xã hội là rất nặng nề, tổn hại đến sức khỏe, tiền bạc của bản thân và gia đình người sử dụng, ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, lối sống, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đặc biệt là làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác. Bị cáo cũng nhận biết hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh, nhằm để ổn định tình hình chính trị tại địa phương, góp phần vào công cuộc phòng chống và ngăn ngừa tội phạm hiện nay.

[4] Về nhân thân bị cáo: Vào năm 2004 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 01 năm tù giam về tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 2003, đã chấp hành xong bản án. Như vậy, bản thân bị cáo đã từng phạm tội và đã có một thời gian chấp hành hình phạt tù, tuy nhiên bị cáo không coi đó là bài học cho bản thân, mà nay lại có hành vi dẫn đến con đường phạm tội tiếp.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là thành khẩn khai báo theo quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Khi quyết định hình phạt, căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy cũng cần phải xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và

có mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo để vừa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng răn đe phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tôi như bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự có quy định: "5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*". Tuy nhiên, hiện nay bị cáo không có việc làm ổn định, công việc chính là làm thuê nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận số lượng ma túy nêu trên bị cáo mua của một người tên Bé C tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể, việc mua bán này không có người chứng kiến, không có căn cứ nên Viện kiểm sát không truy tố. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[9] Đối với bà Trần Thị P1 trình bày là bà và bị cáo đang sống chung như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn với nhau, việc bị cáo sử dụng và tàng trữ ma túy thì bà không biết, nên Viện kiểm sát không truy tố hành vi của bà về tội "Không tố giác tội phạm" quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[10] Về vật chứng của vụ án và tài sản tạm giữ: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L: 01 (một) ví da màu nâu; 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO màu đen, đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam tổng số: 300.000 đồng. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra vụ án bị cáo và những người tham gia tố tụng khác của vụ án không khiếu nại về việc này, nên không xem xét.

- Đối với các vật chứng: 01 (một) phong bì màu trắng đã được niêm phong số 778, ngày 13/8/2020 trên phong bì có chữ ký, ghi họ tên Nguyễn Phong D, Nguyễn Văn Bé N, Lê Minh V, Nguyễn Văn L và đóng dấu đỏ tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp; 01 (một) phong bì được niêm phong

có chữ ký, ghi họ tên Lê Phước T1, Tạ Hoài T2 và đóng dấu đỏ tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp; 01 (một) bộ dụng cụ dùng sử dụng ma túy; 01 (một) ống thủy tinh tự chế màu trắng (nỏ) bị vỡ; 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng. Các vật chứng này đều liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và không có giá trị sử dụng, nên tuyên tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 341675738, mang tên Nguyễn Văn L, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng Gold, đã qua sử dụng, do bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội và còn giá trị sử dụng, nên tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu xanh trắng, biển số 66H1-128.33, xe đã qua sử dụng, hiện do bị cáo đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị P1 trình bày là chiếc xe này là tài sản của bà P1, bị cáo chỉ đứng tên dùm. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo và bà P1h không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ. Đồng thời hiện nay giữa bà P1 và bị cáo chỉ sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, nên mối quan hệ vợ chồng giữa bị cáo và bà P1 không được công nhận. Hiện nay chiếc xe mô tô này do bị cáo đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe, cấp ngày 26/6/2014 và bị cáo cũng là người đang quản lý, sử dụng. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, chiếc xe mô tô này là tài sản của bị cáo, do bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội và còn giá trị sử dụng, nên tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù và được trừ đi các ngày mà bị cáo đã bị tạm giữ (Từ ngày 12/8/2020 đến ngày 20/8/2020).

- Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 341675738, mang tên Nguyễn Văn L.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) phong bì màu trắng đã được niêm phong số 778, ngày 13/8/2020 trên phong bì có chữ ký, ghi họ tên Nguyễn Phong D, Nguyễn Văn Bé N, Lê Minh V, Nguyễn Văn L và đóng dấu đỏ tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp; 01 (một) phong bì được niêm phong có chữ ký, ghi họ tên Lê Phước T1, Tạ Hoài T2 và đóng dấu đỏ tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp; 01 (một) bộ dụng cụ dùng sử dụng ma túy; 01 (một) ống thủy tinh tự chế màu trắng (nỏ) bị vỡ; 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng Gold, đã qua sử dụng và 01 (một) xe mô tô hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu xanh trắng, biển số 66H1-128.33, xe đã qua sử dụng, hiện do bị cáo đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe.

(Các vật chứng và tài sản tạm giữ trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Tp. Hồng Ngự;
- Cơ quan Điều tra Công an Tp. Hồng Ngự;
- Cơ quan THAHS Công an Tp. Hồng Ngự;
- UBND P. An Thạnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Huỳnh Anh